

**QUYẾT ĐỊNH**  
**CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN**  
**VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số 156/2021/TLST-HNGĐ ngày 09 tháng 7 năm 2021, giữa:

- Chị Bùi Thị **H** Sinh năm: 1992

HKTT: Làng **H**, xã **LT**, huyện **NL**, tỉnh Thanh Hoá

Chỗ ở hiện nay: Thôn **M**, xã **NL**, huyện **NL**, tỉnh Thanh Hoá

- Anh Phạm Văn **K** Sinh năm: 1990

HKTT: Làng **H**, xã **LT**, huyện **NL**, tỉnh Thanh Hoá

Chỗ ở hiện nay: Làng **H**, xã **LT**, huyện **NL**, tỉnh Thanh Hoá

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 55; Điều 57; Điều 58; Điều 81; Điều 82 và Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào Điều 6; điểm a khoản 1 Điều 24; khoản 7 Điều 26; điểm a khoản 5, điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án;

Căn cứ vào Biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 27 tháng 7 năm 2021.

**XÉT THẤY:**

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 27 tháng 7 năm 2021 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

**QUYẾT ĐỊNH:**

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa: Chị Bùi Thị **H** và anh Phạm Văn **K**.

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

Về con cái: Giao cháu Phạm Đức **C**, sinh ngày 21/01/2014 và cháu Phạm Thị **H**, sinh ngày 18/11/2016 cho anh **K** trực tiếp nuôi dưỡng, chị **H** cấp dưỡng

nuôi con chung mỗi cháu mỗi tháng là 1.000.000đ (Một triệu đồng). Thời gian cấp dưỡng từ tháng 07/2021 cho đến khi các cháu đủ 18 tuổi.

Chị **H** có quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được cản trở.

Về tài sản: Chị **H**, anh **K** không yêu cầu Toà án giải quyết.

Về án phí DSST: Chị Bùi Thị **H** phải chịu 150.000đ (Một trăm năm mươi ngàn đồng) án phí dân sự sơ thẩm về việc xin ly hôn và 150.000đ (Một trăm năm mươi ngàn đồng) án phí cấp dưỡng nuôi con chung, do chị **H** tự nguyện chịu toàn bộ án phí, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí DSST chị đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện **NL**, theo biên lai số AA/2019/0011967 ngày 09/7/2021. Chị **H** đã nộp đủ tiền án phí.

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

**Nơi nhận:**

- Đương sự;
- VKSND huyện **NL**;
- UBND xã **LT**;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**THẨM PHÁN**

**Nguyễn Thanh Tân**